

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH CHO ĂN ĐẾN NĂNG SUẤT VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG CHĂN NUÔI GÀ NÒI CHUỒNG HỒ

Nguyễn Thị Thủy^{2*}

Nhận bài báo: 10/07/2021 - Ngày nhận bài phản biện: 10/08/2021

Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 20/08/2021

TÓM TẮT

Thí nghiệm (TN) được thực hiện để đánh giá việc cho ăn tự do (liên tục) hay định mức (theo giờ) trong quy trình nuôi dưỡng ảnh hưởng đến sinh trưởng, hệ số chuyển hóa thức ăn và hiệu quả kinh tế nuôi gà Nòi trong chuồng hồ quy mô nông hộ tại Bến Tre với 3 nghiệm thức (NT): 1. TD: gà được cho ăn tự do (trong máng luôn có thức ăn); 2. TG: gà được cho ăn định mức theo giờ (cách 8h cho ăn); 3. TGP: gà được cho ăn định mức theo giờ và có bổ sung premix khoáng vào nước uống (1g/l). Tổng số 1.170 con, tỷ lệ trống/mái 1:1, 5 tuần tuổi, được bố trí vào 3 NT cho mỗi giới tính, 3 lần lặp lại với 65 con gà /ô chuồng như một đơn vị TN, tổng 18 ô chuồng được bố trí trong TN. Kết quả cho thấy những gà ở nghiệm thức TD có xu hướng cho tăng khối lượng tốt hơn, tuy nhiên hệ số chuyển hóa thức ăn lại cao hơn ở các NT còn lại. Cụ thể khối lượng cuối của gà cao nhất ở TD (1.446,7 g/con), tiếp theo là TGP (1.433,1 g/con) và thấp nhất ở TG (1.432,4 g/con), tuy nhiên không có sự khác biệt đáng kể về mức tăng khối lượng trung bình hàng ngày (TKL) của gà ở tất cả các NT. Lượng thức ăn tiêu thụ (TTTA) của gà ở TD (63,21 g/con/ngày) cao hơn TG (59,25 g/con/ngày) và TGP (58,48 g/con/ngày). Do đó, dẫn đến hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) của gà ở TD (3,22kg TA/kg TKL) cao hơn so với gà ở TG (3,07kg TA/kg TKL) và TGP (3,02kg TA/kg TKL), sự khác nhau là có ý nghĩa thống kê. Do đó dẫn đến cải thiện hiệu quả kinh tế của việc nuôi gà ở TG và TGP cao hơn khoảng 3% so với nuôi gà ở TD. Xét về giới tính, mặc dù gà trống có khối lượng cuối cao hơn khoảng 300g/con so với gà mái, lượng TTTA và TKL con trống cũng cao hơn mái, nhưng không có sự khác nhau về hệ số chuyển hóa thức ăn. Nhưng nuôi con trống thì cho hiệu quả kinh tế cao hơn nuôi con mái đến 20%. Tóm lại, khi nuôi gà Nòi Bến Tre giai đoạn tăng trưởng thì việc cho ăn định mức theo giờ, hoặc cho ăn theo giờ có bổ sung premix khoáng vào nước uống sẽ cải thiện hệ số chuyển hóa thức ăn và tăng hiệu quả kinh tế hơn khoảng 3% so với cho ăn tự do. Và nuôi gà trống riêng có hiệu quả kinh tế cao hơn 20% so với nuôi gà mái riêng.

Từ khóa: *Ăn tự do, ăn theo giờ, gà Nòi, sinh trưởng, hiệu quả kinh tế.*

ABSTRACT

Effects of feeding program on growth performances and economic efficiency of growing Noi chickens raising in opening house

An experiment was conducted to evaluate the effects of free-feeding (*ad-libitum*) or hourly-feeding (every 8hrs) in the rearing process on growth and economic efficiency of growing Noi chickens. A total of 1,170 Ben Tre Noi chickens (585 males and 585 females) at 5 weeks' old was allocated in a 3x2 factorial randomized design with 3 treatments, 2 sexes, 3 replications with 65 chickens/pen as an experimental unit. The 3 treatments were (1) TD: Free-feeding diet (Chickens were fed freely); (2) TG: Hourly-feeding (Chickens were fed every 8hrs); (3) TGP: Hourly-feeding with Premix vitamin 1g/l of drinking water. Results showed that chickens in TD treatment tended to have better final body weight gain, but the feed conversion ratio was improved in the TG and TGP treatments. Specifically, the final weight of chickens was highest in TD (1,446.7g), followed by TGP (1,433.1g) and lowest in TG (1,432.4g), with $P>0.05$. Feed intake (FI) of chickens in TD (63.21 g/head/day) was higher than TG (59.25 g/head/day) and TGP (58.48 g/head/day). Therefore, the FCR of chickens in TD (3.22 kg/kg) was higher than that of chickens in TG (3.07 kg/kg) and TGP (3.02 kg/kg). These results lead to an improvement in the economic efficiency around 3% of chickens in

¹ Trường Đại học Cần Thơ

* Tác giả liên hệ: PGS.TS. Nguyễn Thị Thủy, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; Điện thoại: 0989.019578; Email: nthithuycn@ctu.edu.vn

TG and TGP compared to TD treatment. When raising male and female separately, the final weight of the male chickens was about 300g/head higher than female chickens, and there were higher FI and ADG of the males to compare with that of the females, but there was no difference in the feed conversion ratio. Raising male chickens get 20% higher of economic efficiency than raising female chickens. In summary, raising Noi chickens with hourly-feeding or with premix vitamin supplementation in drinking water improved feed conversion ratio and increases 3% economic efficiency compared to free-feeding raising. And raising male chickens separately increased around 20% more economic efficiency than raising females.

Keywords: *Feeding program, growth performance, free-feeding, hourly-feeding, Noi chicken.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăn nuôi gia cầm chiếm vị trí quan trọng trong ngành chăn nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long. Giống gà Nòi Bến Tre đang được nuôi nhiều và chiếm vị trí quan trọng trong chăn nuôi gà kể cả chăn nuôi nông hộ và tập trung với số lượng lớn. Hiện nay, giống gà này được sản xuất với quy mô lớn từ nhiều công ty Chăn nuôi và chuyển giao con giống đến các trại nuôi thịt quy mô vừa và nhỏ. Tuy nhiên, trong quy trình nuôi ở nông hộ với số lượng gà khá lớn, nuôi trong chuồng hở, người dân nuôi rất nhiều gà trong không gian chuồng hở với mật độ dày đặc và nuôi chung trống và mái, dẫn đến tỷ lệ đồng đều không cao do gà cắn mổ và lượng ăn không đều. Điều này khiến gà dễ bị stress đặc biệt là vào mùa hè, độ đồng đều không cao, cắn mổ nhau làm giảm năng suất và chất lượng gà khi xuất bán. Hơn nữa, cho ăn tự do hay định mức để có năng suất tối ưu và có hiệu quả kinh tế tốt nhất lại là vấn đề cần nghiên cứu để đưa ra quy trình phù hợp và hiệu quả cho người nuôi. Hiện nay, hầu như trong chăn nuôi gia cầm ở nông hộ, người dân thường sẽ cho gà ăn theo phương thức cho ăn tự do và liên tục. Tuy nhiên, lượng thức ăn ăn vào ảnh hưởng đến tăng trưởng, gà cho ăn quá nhiều hay quá ít thì đều không mang lại hiệu quả kinh tế. Vì thế, vào giai đoạn sinh trưởng thì phương thức cho ăn nào có ảnh hưởng tốt đến tăng trưởng của gà cần phải được xác định để giúp người chăn nuôi tăng lợi nhuận, nên việc tìm ra cách chăm sóc nuôi dưỡng để có được năng suất tốt, nâng cao hiệu quả kinh tế là vấn đề người nuôi luôn muốn hướng tới. Mục tiêu của nghiên cứu này là tìm ra cách cho ăn tự do, định mức theo giờ hoặc có bổ sung thêm premix khoáng vào nước

uống cho gà Nòi Bến Tre thích hợp nhất trong điều kiện nuôi số lượng lớn trong chuồng hở tại nông hộ nuôi.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu và địa điểm thí nghiệm

Thí nghiệm (TN) được tiến hành trên 1.170 con gà Nòi Bến Tre ở giai đoạn 5 tuần tuổi, tại Trại chăn nuôi thuộc ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, gà được chủng ngừa vaccine đầy đủ các bệnh dịch tả, gumboro, chủng trái và H_5N_1 và được nuôi trong hệ thống chuồng hở. Nền chuồng lót gạch và trải trấu dày 5cm, mái được lợp tole và xung quanh rào bằng lưới và vi sắt. Gà được chia thành 18 ô chuồng, mỗi ô có diện tích 9,2m² (2,3x4m) nuôi 65 con. Mỗi ô chuồng được trang bị 4 máng ăn và 3 máng uống với thể tích là 4l.

2.2. Bố trí thí nghiệm

Tất cả đàn gà TN được chăm sóc và nuôi dưỡng trong cùng một điều kiện như nhau, mỗi ngày gà được quan sát để xem gà có những dấu hiệu gì khác thường hay không nhằm kịp thời phát hiện bệnh và có biện pháp điều trị thích hợp. Đối với những con gà được nuôi ở NT cho ăn tự do (TD) thì gà được cho ăn liên tục, khi thức ăn trong máng ăn gần hết thì được đưa thêm vào ngay. Gà ở NT cho ăn theo giờ (TG) thì cứ cách 8 tiếng được cho ăn 1 lần, và theo định mức lượng ăn tham khảo cho gà Nòi của Thùy Linh và ctv (2020). Gà ở NT cho ăn theo giờ và có bổ sung premix khoáng vào nước uống (TGP) được cho ăn như gà ở TG và có bổ sung thêm premix khoáng vào nước với liều lượng là 1g/l nước uống.

Bảng 1. Thành phần hóa học khẩu phần thức ăn

Thành phần hóa học	Giai đoạn (ngày tuổi)		
	1-21	22-7 ngày trước XC	7 ngày trước XC-XC
Độ ẩm, %	13	13	13
Đạm thô, %	20,5	19	18
ME, kcal/kg	3000	3100	3100
Xơ thô, %	5	5	5
Canxi, %	0,7-1,5	0,7-1,5	0,5-1,6
P tổng số, %	0,5-1,2	0,5-1,2	0,5-1,2
Lys tổng số, %	1,28	1,2	1,1
Met+Cyst, %	0,9	0,88	0,78

Các thông số về tiêu khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió được theo dõi hàng ngày để điều chỉnh nhằm hạn tác động không tốt đến gà. Thức ăn sử dụng cho gà TN là thức ăn hỗn hợp (TAHH) dạng viên của Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam. Thành phần của nguyên liệu của thức ăn hỗn hợp: bắp, tấm, bột cá, đạm đậu nành, cám gạo, cám lúa mì, các acid amin, các chất bổ sung vitamin và khoáng.

Bảng 2. Các thông số tiêu khí hậu chuồng nuôi

Chi tiêu	Thời điểm	Tuần thí nghiệm						
		1	2	3	4	5	6	7
Nhiệt độ (°C)	6h	25,1	27,7	27,7	27,7	27,0	25,9	27,5
	12h	32,7	33,5	33,4	33,6	33,3	33,4	31,4
	15h	31,9	33,7	34,4	33,6	35,6	32,9	31,7
	18h	28,6	30,2	30,0	30,6	30,9	31,9	28,7
Độ ẩm (%)	6h	90,6	86,0	90,7	86,8	90,4	90,0	93,5
	12h	70,1	68,6	68,9	64,0	69,8	71,4	81,2
	15h	69,1	69,9	71,7	60,6	63,5	74,3	80,0
	18h	77,1	75,0	88,5	67,1	83,4	75,5	93,4
Tốc độ gió (m/s)	6h	0,21	0,20	0,20	0,70	0,21	0,20	0,10
	12h	0,60	0,60	0,50	0,70	0,50	0,70	0,90
	15h	0,70	0,50	0,60	0,60	0,70	0,80	0,80
	18h	0,70	0,70	0,60	0,81	0,50	0,60	0,40

Thí nghiệm được bố trí theo thể thức thừa số 2 nhân tố, trong đó nhân tố 1: Cách cho ăn (Tự do (TD), theo giờ (TG) và theo giờ có bổ sung premix khoáng (TGP)), nhân tố 2 là giới tính (Trống và mái). Mỗi NT có 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại là 1 ô chuồng, nuôi 65 con gà ở 5 tuần tuổi, tổng cộng có 18 ô chuồng, tổng số gà là 1.170 con gà được sử dụng. Các NT như sau:

TD: Gà được cho ăn tự do

TG: Gà được cho ăn theo giờ: 6, 14, 22h

TGP: Gà được cho ăn theo giờ (6, 14, 22h) và bổ sung premix khoáng vào nước uống (1g/l).

Gà được nuôi trong ô thí nghiệm được sát trùng, vệ sinh sạch sẽ trước khi đưa gà vào ô và định kỳ sát trùng hàng tuần. Hàng ngày cân lượng thức ăn đưa vào và thừa vào sáng hôm sau để bảo đảm thức ăn không bị ôi thiu. Các chỉ tiêu theo dõi gồm: Các thông số tiêu khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm và tốc độ gió) ở các thời điểm 6h, 12h, 14h và 18h, tăng khối lượng (g/con/ngày), tiêu thụ thức ăn (g/con/ngày), hệ số chuyển hóa thức ăn (kg TA/kg TKL) và hiệu quả kinh tế.

2.3. Xử lý số liệu

Số liệu thu thập tổng hợp được xử lý sơ bộ trên phần mềm Excel 2003, sau đó phân tích phương sai sử dụng mô hình hồi qui tuyến tính tổng quát (Minitab 16). Mô hình sử dụng để phân tích thống kê: $Y_{ijk} = \mu + \alpha_i + b_j + (ab)_{ij} + e_{ijk}$. Trong đó: Y_{ijk} là giá trị cá thể quan sát, μ là trung bình tổng thể, α_i là ảnh hưởng của nghiệm thức, b_j là ảnh hưởng của giới tính, e_{ijk} là sai số ngẫu nhiên.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sinh trưởng và hệ số chuyển hóa thức ăn

Các thông số tiêu khí hậu chuồng nuôi trong thời gian TN được thể hiện ở Bảng 2. Trong thời gian TN nhiệt độ cao nhất có ngày lên tới 35°C vào lúc 12h trưa, và thấp nhất 25 °C vào lúc 6h sáng, ẩm độ cũng giao động trong khoảng từ 60-90%, tốc độ gió từ 0,2-0,8 m/s. Điều kiện tiêu khí hậu chuồng nuôi thích hợp cho gà địa phương nuôi trong điều kiện chuồng hở, các thông số tiêu khí hậu trên không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của gà TN. Do nhiệt độ môi trường trong khoảng thời gian này ở mức trung bình, thích hợp cho gà sinh trưởng, gà không phải tiêu hao năng lượng để duy trì thân nhiệt nhiều nên hiệu quả sử dụng thức ăn tốt hơn. Trong quy trình nuôi gà Nòi Bến Tre này thì lượng ăn là chỉ tiêu quan trọng có thể đánh giá được chất

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

lượng thức ăn, khả năng sinh trưởng và tình trạng sức khỏe của gà. Gà thịt sẽ thay đổi hành vi ăn của chúng khi các điều kiện tiêu khí hậu chuồng nuôi không tối hảo như nhiệt độ nóng quá hoặc quá lạnh, hay thời gian chiếu sáng

thay đổi. Dube và ctv (2011) cho rằng gà nếu không được chiếu sáng 8 giờ liên tục thì sẽ giảm tốc độ tăng trưởng, do lượng ăn giảm nhưng không ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng thức ăn của gà.

Bảng 3. Sinh trưởng và hệ số chuyển hóa thức ăn của gà thí nghiệm giai đoạn 5-12 tuần tuổi

Các chỉ tiêu	Nghiệm thức			SEM	P	Giới tính		SEM	P
	TD	TG	TGP			Trống	Mái		
KL đầu TN, g/con	485,4	487,1	486,5	26,92	0,99	540,9	431,8	21,98	0,01
KL cuối TN, g/con	1.446,7	1.432,7	1.433,1	58,42	0,98	1.581,5	1.293,5	47,69	0,01
Số ngày TN, ngày	49	49	49	-	-	49	49	-	-
TKL, g/con/ngày	19,62	19,30	19,32	0,66	0,94	21,24	17,59	0,54	0,01
TTTA, g/con/ngày	63,21	59,25	58,48	1,75	0,16	66,01	54,62	1,43	0,01
FCR, kg TA/kg TKL	3,22 ^a	3,07 ^b	3,02 ^b	0,03	0,01	3,10	3,11	0,02	0,93

Khối lượng của gà khi bắt đầu TN tương đương nhau, qua các tuần có sự biến động không đáng kể (Bảng 3). Đến cuối TN, KL gà có khuynh hướng cao hơn tuy ít ở TD và ở con trống cao hơn con mái gần 300 g/con. Nhìn chung, gà ở TD được cho ăn tự do, thức ăn trong máng luôn có sẵn nên tiêu thụ nhiều hơn so với gà cho ăn theo giờ. Tuy vậy, Birte và ctv (2003) cho rằng muốn cho gà nhanh lớn không có nghĩa cứ đổ đầy cám vào máng ăn mà hãy tuân thủ nguyên tắc đối với gà là cho ăn từng ít một, chia làm nhiều lần vì sở thích của gà luôn luôn tìm TA mới.

Gà ở TD tuy ăn nhiều hơn nhưng TKL trung bình ở 3 NT đều không có sự chênh lệch, tuy có khuynh hướng giảm chút ở gà cho ăn định mức theo giờ, điều này cho thấy hiệu quả sử dụng thức ăn ở TD chưa tốt hơn so với TG và TGP. Sahraei (2012) cho rằng việc hạn chế thức ăn của gà là 1 trong các kỹ thuật chính để thay đổi đường tăng trưởng của gà thịt, khi hạn chế về số lượng và chất lượng thức ăn là biện pháp có thể được sử dụng để điều chỉnh chiến lược cho ăn của gia cầm nhằm giảm tốc độ sinh trưởng và trao đổi chất, làm giảm tỷ lệ mắc một số bệnh chuyển hóa như cổ trướng, chết nhanh và do đó cải thiện HSCHTA và giảm chi phí thức ăn. Kết quả cho thấy gà ở TG và TGP có tiêu tốn thức ăn ít nhưng khối lượng cuối kỳ là gần bằng gà ở TD. Nguyên nhân có thể là do gà ở nghiệm thức TGP có các vitamin khoáng cần thiết đã kích thích

sự hấp thu và chuyển hóa dinh dưỡng hiệu quả hơn, dẫn đến HSCHTA của gà ở TG và TG có khuynh hướng tốt hơn so với gà ở TD. Rahman và ctv (2012) cho rằng để phát huy được sinh trưởng cần phải cung cấp đủ trong thức ăn các chất dinh dưỡng và các vitamin khoáng cần thiết. Do vậy, việc bổ sung thêm premix khoáng vào nước uống cũng đang có khuynh hướng cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn hơn so với không bổ sung.

Kết quả trong bảng 3 cho thấy FCR của gà ở TG và TGP được cải thiện hơn có ý nghĩa thống kê so với gà ở TD. Để đạt được FCR thấp trong chăn nuôi đòi hỏi phải có kế hoạch và quá trình chăm sóc nuôi dưỡng tốt, các yếu tố ảnh hưởng tới sự tăng khối lượng, lượng thức ăn ăn vào, sự rơi vãi thức ăn đều làm cho FCR cao. Theo Nguyễn Thị Thuy (2019), khi con vật bị thiếu khoáng chất đặc biệt là đồng (Cu) và kẽm (Zn) thì con vật sẽ chậm tăng trưởng, chuyển hóa thức ăn kém. Hơn nữa, hầu như tất cả các vitamin đều cần thiết trong khẩu phần của gà bởi vì chúng có tác động tích cực đến tăng trưởng và hệ số chuyển hóa thức ăn, kích thích hệ thống miễn dịch và giảm thiểu stress cho gà (Sahin và ctv, 2003). Vitamin là thành phần quan trọng của coenzyme-A có chức năng quan trọng trong việc chuyển hóa axit axetic, tổng hợp chất béo; vitamin PP tham gia xúc tác 150 enzym làm chuyển hóa hydrate cacbon, mỡ, protein (Dương Thanh Liêm, 2008). Gà rất dễ bị thiếu

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

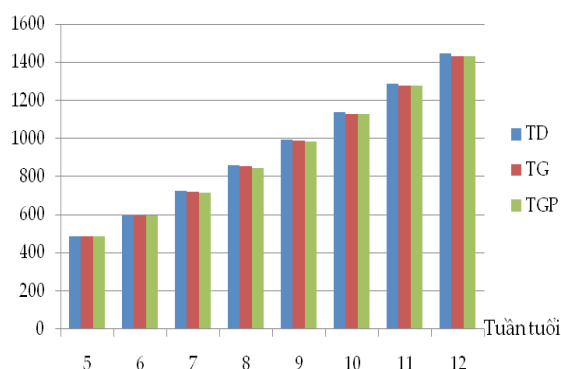
vitamin vì hệ vi khuẩn đường ruột có thể tổng hợp rất ít vitamin do đó nếu hoàn toàn không có vitamin trong khẩu phần hoặc thiếu thì gà rất dễ bị stress (Jang và ctv, 2014). Từ đó cho

thấy việc bổ sung thêm premix khoáng vào khẩu phần giúp con vật tiêu hóa tốt hơn cả khi lượng ăn theo định mức và giảm thiểu lượng ăn.

Bảng 4. Tương tác giữa nghiệm thức và giới tính của gà giai đoạn 5-12 tuần tuổi

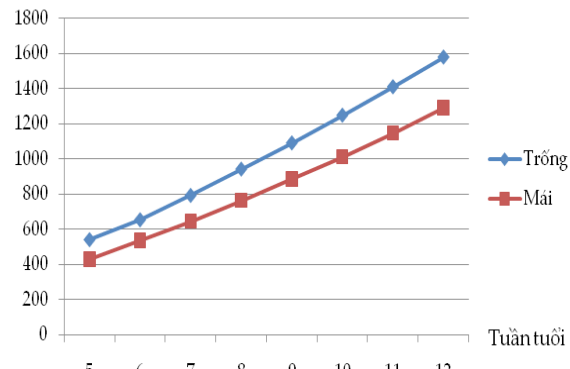
Chỉ tiêu	TD		TG		TGP		SEM	P
	Trống	Mái	Trống	Mái	Trống	Mái		
KL đầu TN, g/con	540,2	430,6	541,4	432,8	541,2	431,8	38,07	0,97
KL cuối TN, g/con	1.589,2	1.304,2	1.589,4	1.276,0	1.565,9	1.300,3	82,61	0,95
TKL, g/con/ngày	21,41	17,83	21,39	17,21	20,91	17,72	0,936	0,86
TTTA, g/con/ngày	68,80	57,62	65,07	53,43	64,16	52,80	2,486	0,99
FCR, kg TA/kg TKL	3,21	3,24	3,04	3,10	3,07	2,98	0,045	0,27

Khối lượng, g/con



Hình 1. Khối lượng gà các NT qua các tuần tuổi

Khối lượng, g/con



Hình 2. Khối lượng gà trống và mái qua tuần tuổi

Gà trống ở tất cả các NT đều cho TKL và HSCHTA tốt hơn gà mái. Kết quả phù hợp với nghiên cứu của Đỗ Võ Anh Khoa và ctv (2018), sự khác nhau về tốc độ sinh trưởng và KL gà do yếu tố giới tính quy định trong đó con trống có tốc độ sinh trưởng nhanh hơn con mái, ở cùng độ tuổi, cùng điều kiện chăn

nuôi con trống có KL cao hơn con mái. Kết quả trên cho thấy trong chăn nuôi gà Nòi Bến Tre, nếu nuôi riêng trống mái có thể sẽ cho tỷ lệ đồng đều tốt hơn và nuôi con trống thì có hiệu quả tốt hơn.

3.2. Hiệu quả kinh tế

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế của thí nghiệm

Các chỉ tiêu	Nghiệm thức			Giới tính	
	TD	TG	TGP	Trống	Mái
Số gà đầu thí nghiệm (con)	390	390	390	585	585
Số gà cuối thí nghiệm (con)	390	390	390	585	585
Tổng lượng ăn (kg/NT)	1.207,9	1.132,3	1.117,6	1.892,2	1.565,7
Chi phí thức ăn (đồng)	13.287.374	12.454.943	12.293.081	20.813.943	17.222.505
Premix khoáng (đồng/NT)	-	-	150.000	75.000	75.000
KL gà tăng (kg/NT)	374,9	368,8	369,2	608,8	504,2
Tiền bán gà (đồng)	26.245.674	25.817.610	25.844.364	42.619.122	35.295.215
Chênh lệch bán gà và chi phí TÁ (đồng)	12.958.300	13.362.668	13.401.283	21.730.179	17.997.709
So sánh (%)	100	103,1	103,4	120,7	100

Thí nghiệm trong cùng một điều kiện nuôi nên các chi phí về giống, chuồng trại, điện nước, chi phí nhân công coi như giống nhau. Do đó, chi phí chủ yếu tính trên tiền thức ăn và tiền premix khoáng bổ sung vào nước uống. Qua bảng 5 cho thấy: với giá thức ăn là 11.000 đồng/kg và giá gà 70.000 đồng/kg, nếu lợi nhuận của việc nuôi gà ở TD là 100%, lợi nhuận của ở TG và TGP là khoảng 103%. Điều này cho thấy việc ảnh hưởng của cách cho ăn đến hiệu quả kinh tế là không có sự chênh lệch nhiều, tuy nhiên nếu nuôi với số lượng lớn thì sự chênh lệch này sẽ có ý nghĩa. Ngoài ra, để tạo ra một con gia cầm gây hơn và giảm tác động bất lợi của chất béo đối với sức khỏe con người, và giảm sự tích tụ chất béo trong thân thịt gà thịt bằng cách sử dụng các chương trình hạn chế thức ăn có thể mang lại lợi nhuận vô hình trong chăn nuôi gà thịt (Sahraei, 2012). Vì vậy, việc áp dụng các phương pháp cho ăn định mức theo giờ hạn chế thức ăn cho chăn nuôi gà thịt để có hiệu quả sử dụng thức ăn tốt hơn.

4. KẾT LUẬN

Khi nuôi gà Nòi Bến Tre giai đoạn tăng trưởng thì việc cho ăn định mức theo giờ, hoặc cho ăn theo giờ có bổ sung premix khoáng vào nước uống sẽ cải thiện HSCHTA và tăng hiệu quả kinh tế hơn khoảng 3% so với gà được cho ăn tự do. Nuôi gà trống có hiệu quả kinh tế cao hơn 20% so với gà mái tách riêng ở chuồng.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả chân thành cảm ơn Công ty Vietswan đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp con giống, vật

tu, chuồng trại cho thí nghiệm. Cảm ơn em Tùng và Tài đã thực hiện thu thập số liệu và chăm sóc gà thí nghiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Birte L., Nielsen M.L. and Flemming N. (2003). Effects of qualitative and quantitative feed restriction on the activity of broiler chickens. *Applied Anim. Behaviour Sci.*, **83**(4): 309-23.
2. Duve L.R., Steinfeldt S., Thodberg K. and B.L. Nielsen (2011). Splitting the scotoperiod: effects on feeding behaviour, intestinal fill and digestive transit time in broiler chickens, *British Poult. Sci.*, **52**(1): 1-10.
3. Jang I.L., Ko Y.H., Moon Y.S. and Sohn S.H. (2014). Effects of vitamin C or E on the pro-inflammatory cytokines, heat shock protein 70 and antioxidant status in broiler chicks under summer conditions. *Asian-Australas. J. Anim. Sci.*, **27**: 749-56.
4. Đỗ Võ Anh Khoa, Nguyễn Thảo Nguyên, Huỳnh Minh Thuận, Mạc Thanh Hải, Nguyễn Thị Yến Nhi và Nguyễn Công Uân (2018). Khả năng sinh trưởng của gà Tàu Vàng nuôi tại Nông hộ ở Hậu Giang. *Tạp chí KH, Trường Đại học Cần Thơ*. **23**(1): 2-7.
5. Dương Thanh Liêm (2008). Thức ăn và dinh dưỡng của gia cầm. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
6. Sahraei M. (2012). Feed restriction in broiler chickens production. *Biotechnol. Anim. Hus.*, **28**(2): 333-52.
7. Rahman M.A., Parvin M.S., SarKer R.R. and Islam M.T. (2012). Effects of growth promoter and multivitamin-mineral premix supplementation on body weight gain in broiler chickens. *J. Bangladesh Agr. Uni.*, **10**(2): 245-48.
8. Sahin K., Onderci M., Sahin N., Gursu M.F. and Kucuk O. (2003). Dietary Vitamin C and Folic Acid Supplementation Ameliorates the Detrimental Effects of Heat Stress in Japanese Quail. *J. Nut.*, **133**: 1882-86.
9. Nguyễn Thị Thủy (2019). Ảnh hưởng của chế phẩm premix vitamin dạng bột và nước bổ sung vào nước uống lên sinh trưởng và tỷ lệ cắn mổ của gà Nòi từ 5-13 tuần tuổi. *Tạp chí KHKT Chăn nuôi*. **25**(1): 39-43.
10. Thủy Linh N., Guntoro B., Hoang Qui N. and Anh Thu N.T. (2020). Effect of sprouted rough rice on growth performance of local crossbred chickens. *Liv. Res. Rur. Dev.*, **32**, Article #156.

HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI VỊT THỊT NÔNG HỘ TẠI THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Hồng Nhung^{2*}

Ngày nhận bài báo: 05/08/2021 - Ngày nhận bài phản biện: 31/08/2021

Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 10/09/2021

TÓM TẮT

² Trường Đại học Tiền Giang

* Tác giả liên hệ: ThS. Nguyễn Hồng Nhung, Giảng viên, Trường Đại học Tiền Giang. Email: nguyenhongnhung@tgu.edu.vn

; Điện thoại: 0886016228